TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 142/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01 - 2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Việt
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Hưng
Ông Dương Đức Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mẫn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 253/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1982 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KA, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1980 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp A, xã KA, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 31/7/2023, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà và ông S thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi với nhau. Hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20/3/2008 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 30/6/2011. Cháu Y và cháu N có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu hai cháu có nguyện vọng sống chung với bà thì bà không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung là không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 31/7/2023, bị đơn ông Nguyễn Văn S trình bày:

Về hôn nhân: Ông và ông Nguyễn Thị C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, ông và bà C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm nhường

nhịn nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi. Hiện mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, chung sống không có hạnh phúc nên ông đồng ý ly hôn với bà C.

Về con chung: Ông và bà C có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20/3/2008 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 30/6/2011. Cháu Y và cháu N có nguyện vọng sống chung với ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng, nếu hai cháu có nguyện vọng sống chung với ông thì ông không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung là không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn ông Nguyễn Văn S có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà C và ông S.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S chung sống với nhau từ năm 2007, nhưng không đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống hai người phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm với nhau, thường xuyên xảy ra cự cãi, chung sống không có hạnh phúc nên bà C khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông S cũng đồng ý. Theo xác nhận của Ủy ban nhân dân xã KA nơi hai bên cư trú xác định kể từ khi chung sống đến nay bà C và ông S không đăng ký kết hôn. Xét thấy, bà C và ông S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2007, kể từ khi chung sống đến nay tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng hai người không đăng ký kết hôn theo quy định, do đó quan hệ hôn nhân của hai người chưa tuân thủ quy định về đăng ký kết hôn, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Theo Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này". Do đó, không công nhận quan hệ giữa bà C và ông S là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà C và ông S có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20/3/2008 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 30/6/2011. Cháu Y và cháu N (hai cháu hiện chưa thành niên nhưng đã trên 07 tuổi) có nguyện vọng được chung sống với cha là ông S, đồng thời ông S cũng có đủ điều kiện để nuôi dưỡng hai cháu. Do đó, giao cháu Y và cháu N cho ông S tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Y và cháu N mà không ai được cản trở. Ông S không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà C và ông S thống nhất tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung xác định là không có, không ai yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí: Bà C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Ngày 01/8/2023, bà C nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí. Ông S không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Như Y, sinh ngày 20/3/2008 và Nguyễn Thiện N, sinh ngày 30/6/2011 cho ông Nguyễn Văn S tiếp tục nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Nguyễn Thị Như Y và cháu Nguyễn Thiện N mà không ai được cản trở.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị C chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 01/8/2023, bà Nguyễn Thị C nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0011376 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn S vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện U Minh;
- CCTHADS huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP TANDHUM.

Bùi Văn Việt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Việt